

Số: 217/TB-ĐHVH

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn thông báo về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn.

- Địa chỉ: Đô thị Đại học, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin về tài sản đấu giá

TT	Tên tài sản	Diện tích	Thời gian	Mục đích/nội dung khai thác	Vị trí	Giá khởi điểm đấu giá (đồng/năm)
1.	Khu dịch vụ tổng hợp tại Ký túc xá 1 - Khu K	222	Đến ngày 12/02/2031	Cửa hàng tiện ích phục vụ cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, khách đến giao dịch, công tác.	Tầng 1 - Ký túc xá 1	71.040.000
2.	Khu dịch vụ tổng hợp tại Ký túc xá 2 - Khu K	222	Đến ngày 12/02/2031	Cung cấp dịch vụ ăn uống phục vụ cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, khách đến giao dịch, công tác.	Tầng 1 - Ký túc xá 2	71.040.000

3.	Khu dịch vụ phục vụ ăn tại tầng 1, Trung tâm sinh viên khu K	200	Đến ngày 12/02/2031	Cung cấp dịch vụ ăn phục vụ cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, khách đến giao dịch, công tác.	Sảnh trong tầng 1- TTSV	64.000.000
4.	Khu dịch vụ phục vụ uống, giải khát tại tầng 1, Trung tâm sinh viên khu K	200	Đến ngày 12/02/2031	Cung cấp dịch vụ uống phục vụ cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, khách đến giao dịch, công tác.	Mặt tiền Tầng 1 – TTSV	76.000.000
5.	Nhà xe khu V	100	Đến ngày 12/02/2031	Cung cấp dịch vụ trông, giữ xe cho cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, khách đến giao dịch, công tác.	Nhà xe có mái che 100 m2 và khuôn viên xung quanh khu vực giữ xe.	20.000.000
6.	Nhà để xe sinh viên khu K	200	Đến ngày 12/02/2031	Cung cấp dịch vụ trông, giữ xe cho cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên, khách đến giao dịch, công tác.	Nhà xe có mái che 200 m2 và khuôn viên xung quanh khu vực giữ xe.	40.000.000

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đảm bảo các tiêu chí được quy định tại Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản, Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Phụ lục I (*Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản*) tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 như sau:

1. Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
2. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
3. Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
4. Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
5. Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Tiêu chí lựa chọn cụ thể:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0

II
 IRL
 ĐA
 NG
 TRU
 VI
 HC

4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	

VÀ
HỌC
TH
Đ

5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản; Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0

1.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại thành phố Đà Nẵng	4,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Trường Đại học CNTT&TT Việt – Hàn và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo Hợp đồng	3,0
3.	Có thành tích tốt trong hoạt động đấu giá tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền tặng bằng khen	1,0
Tổng số điểm		100

4. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Hồ sơ pháp lý của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- Phương án đấu giá tài sản;
- Các tài liệu khác theo bảng tiêu chí đánh giá kèm theo.

(Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình).

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Thời gian nhận hồ sơ: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày ban hành thông báo.

Địa điểm nộp hồ sơ: Đô thị Đại học, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

6. Thông báo kết quả

Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn sẽ thông báo kết quả lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định. Nhà trường không gửi thông báo và không hoàn lại hồ sơ đối với Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được lựa chọn./.

Nơi nhận:

- Hệ thống đấu giá trực tuyến;
- Cổng TTĐTQG về đấu giá tài sản
(Website: <https://dgts.moj.gov.vn/login>);
- Lưu: VT, CSVC

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CƠ SỞ VẬT CHẤT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trịnh Trung Hải